

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoàng
2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Thuỷ Sơn Phương - Thư ký viên, Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ dân phố E T, phường P, tỉnh Gia Lai (Thôn E, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (cũ)). (Có mặt).

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ dân phố E T, phường P, tỉnh Gia Lai (Thôn E, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (cũ)). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2025, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trung K qua tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau năm 2007, nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai cũ. Sau khi kết hôn chị và anh S chung sống với nhau có hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn

gia đình, vợ chồng không hợp ý nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị và anh S tính cách không hợp nhau trong cách sống, suy nghĩ không còn yêu thương tôn trọng nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng chị và anh K sống ly thân từ tháng 03 năm 2025 đến nay không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài và thực sự trầm trọng, tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trung K.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Trung K có Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung K có bốn chung là Nguyễn Huy P, sinh ngày 24/3/2008; Nguyễn Huy H, sinh ngày 09/4/2013; Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 14/4/2015 và Nguyễn Hà Phương A, sinh ngày 07/8/2017. Ly hôn chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi bốn con chung

Việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Trung K: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Trung K đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Trung K tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

Về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với anh Nguyễn Trung K theo quy định của pháp luật. Đơn khởi kiện của chị T được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Anh Nguyễn Trung K cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Gia Lai) có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục lựa chọn hoà giải và lựa chọn Hoà giải viên: Ngày 19/6/2025, người khởi kiện có văn bản về việc không hoà giải, đối thoại tại Tòa án. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Gia Lai) thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Trung K vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trung K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung K tự nguyện chung sống với nhau 2007 nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai cũ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 08 tháng 5 năm 2014. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thì thấy rằng, trong thời gian chung sống giữa chị với anh K xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị và anh K sống ly thân, giữa chị và anh K không ai quan tâm và trách nhiệm gì với nhau.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng nhưng chị T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trung K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản để chị T và anh K đến Tòa án tham gia hòa giải đoàn tụ nhưng anh K đều vắng mặt chứng tỏ anh K không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không. Như vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn

nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trung K là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung K có bốn chung là Nguyễn Huy P, sinh ngày 24/3/2008; Nguyễn Huy H, sinh ngày 09/4/2013; Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 14/4/2015 và Nguyễn Hà Phương A, sinh ngày 07/8/2017. Ly hôn chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu P và cháu H có nguyện vọng được ở với ba khi cha mẹ ly hôn, cháu Đ và cháu Phương A có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn, tuy cháu P và cháu Đ có nguyện vọng được ở với ba là anh Nguyễn Trung K khi cha mẹ ly hôn tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Trung K đều không đến Tòa để tham gia tố tụng do vậy Tòa án không thể giao con cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung mà chấp nhận yêu cầu của chị T, giao bốn con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung thành niên và có khả năng tự lập được.

Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 94, 144, 146, 147, 207, 227, 228, 235, 264, 266, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24 và các điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị T** được ly hôn với anh Nguyễn Trung K.
2. Về việc nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Huy P, sinh ngày 24/3/2008; Nguyễn Huy H, sinh ngày 09/4/2013; Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 14/4/2015 và Nguyễn Hà Phương A, sinh ngày 07/8/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Thời gian giao nuôi con từ

thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001809 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Nay là Phòng THADS Khu vực 7 – Gia Lai). Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
 - VKSND Khu vực 7 – Gia Lai;
 - Phòng THADS Khu vực 7 – Gia Lai;
 - UBND phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
- (Giấy CNKH số 17, đăng ký ngày 08/5/2014 tại UBND xã Trà Đa, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai cũ);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Đình Hoảng Tô Thị L

Nguyễn Thị Hồng T1

